

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2021/HS-ST
Ngày 17-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Biên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Mai.

Ông Đàm Văn Sự.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Phong, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thiêm, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 150/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1125/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lý Văn C, sinh ngày: 12/11/1998 tại tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 6/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn D, sinh năm 1974 và bà Nông Thị L, sinh năm 1973; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 07/7/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Nông Văn P, sinh ngày: 15/11/2000 tại tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 8/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn K, sinh

năm 1977 và bà; Trương Thị H, sinh năm 1976; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 07/7/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3. **Vi Văn S**, sinh ngày 06/10/1992 Hà Quảng, Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 7/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn C, sinh năm 1964 và bà Sầm Thị B, sinh năm 1965; có vợ: Triệu Mùi L, sinh năm 2002 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: năm 2014 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao bằng xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài S.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 07/7/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- **Người bào chữa cho các bị cáo:** Bà Nguyễn Thị T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Lý Văn D, sinh năm 1974; có mặt.

2. Ông Nông Văn K, sinh năm 1977; có mặt.

Đều trú tại: Xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

- **Người làm chứng:**

1. Hoàng Trọng S2, sinh năm 1993, nơi cư trú: Xóm S, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

2. Đinh Văn H, sinh năm 1988, nơi cư trú: Xóm L, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Nguyễn Thị P2, sinh năm 1990, nơi cư trú: Xóm N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

4. Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1998, nơi cư trú: Tổ 26, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ ngày 06/7/2021, tổ công tác Đoàn Biên phòng T - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng đang thực hiện nhiệm vụ tại khu vực mốc 715 thuộc xóm G, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng phát hiện 06 người (gồm 04 nam, 02 nữ) đang đi bộ hướng ra biên giới để xuất C trái phép sang Trung Quốc. Các đối tượng Nông Văn P, Vi Văn S và Hoàng Trọng S2, Đinh Văn H bỏ chạy về hướng mốc 717 còn Nguyễn Thị P2 và Nguyễn Thị Kim N bị lực lượng chức năng giữ lại và đưa về Đoàn Biên phòng T để làm rõ vụ việc.

Mở rộng điều tra vụ án xác định được như sau:

Khoảng tháng 03/2021, Lý Văn C kết bạn Wechat với một người đàn ông Trung Quốc (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể). Qua nói chuyện, người đàn ông này biết nhà C ở gần mốc biên giới từ 714 đến mốc 719 thuộc xóm G, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Ngày 04/7/2021, người đàn ông Trung Quốc đó liên lạc qua Wechat thuê C đón, đưa dẫn 04 người Việt Nam đến khu vực mốc 717 để xuất C trái phép sang Trung Quốc với số tiền là 1400 Nhân dân tệ/01 người, C đồng ý, hai bên cùng thỏa thuận nếu đưa người trót lọt, tiền công sẽ được chuyển vào số tài khoản 8304205079545 của C mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Sáng ngày 06/7/2021 người đàn ông Trung Quốc liên lạc qua Wechat với C xác định địa điểm giao người, đồng thời người này lấy số điện thoại của C gửi cho người lái xe taxi (không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ) để liên lạc khi đưa người đến điểm hẹn. Buổi trưa cùng ngày C gọi điện cho Vi Văn S và trực tiếp gặp Nông Văn P đặt vấn đề cùng đưa 04 người Việt Nam đến mốc 717 để xuất C trái phép, tiền công nhận được sẽ chia đều cho cả 03 người; P, S đồng ý. Khoảng 15 giờ cùng ngày, có một người lái xe ô tô gọi điện cho C ra ngã ba đầu xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng để đón người, nên C gọi điện cho S đến xóm Lũng Tạo, xã T trước, sau đó C điều khiển xe máy Yamaha Exciter màu xanh bạc biển kiểm soát 11B1-220.xx, P điều khiển xe máy Yamaha Sirius màu đen xám biển kiểm soát 11H1-200.xx đến điểm hẹn đón được 04 người là: Hoàng Trọng S2, Đinh Văn H, Nguyễn Thị P2, Nguyễn Thị Kim N. Sau đó P chở P2, C chở S2 và H đến xóm L để gặp S. Từ đây P cùng S dẫn H, S2, P2 đi bộ theo đường mòn hướng lên khu vực mốc 717, còn C quay lại ngã ba L đón và chở N đến gặp nhóm của P, S thì cho N xuống xe đi bộ theo nhóm, còn C một mình đi bộ theo đường khác lên mốc 717 chờ. Khi cả nhóm di chuyển đến gần khu vực mốc 715 thì bị lực lượng chức năng phát hiện ngăn chặn; N, P2 bị giữ lại đưa về Đoàn Biên phòng làm việc; Còn H, S2, P, S đã bỏ chạy về hướng mốc 717, tại đây C

đã thu của S2 số tiền 1.000.000 đồng và thông báo cho người đàn ông Trung Quốc đến đón.

Sau khi S2, H được một người đàn ông đón để đưa vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc, thì C, P, S đi về nhà. Sáng hôm sau, C được người đàn ông Trung Quốc chuyển vào tài khoản số tiền 8.400.000 đồng. C đã trả công cho P 3.100.000 đồng, còn S chưa được trả tiền. Đối với S2, H sau khi đi sang Trung Quốc trót lọt, nhưng vì không có xe ô tô đến đón để đi sâu vào nội địa Trung Quốc, nên hai người đã theo đường cũ quay về Việt Nam thì gặp lực lượng Biên phòng tuần tra, sau đó bị đưa về Đồn Biên phòng T để làm rõ sự việc.

Tại bản cáo trạng số: 149/CTr-VKSCB(P1) ngày 25/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Lý Văn C, Nông Văn P, Vi Văn S tội: “Tổ chức cho người khác xuất C trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo thừa nhận cáo trạng phản ánh đúng hành vi phạm tội của các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn D khai: Chiếc xe máy nhãn hiệu EXCITER màu xanh bạc, xe đeo biển kiểm soát 11B1-220.xx, đây là xe của bố mẹ mua, do bố mẹ không biết chữ nên khi viết giấy tờ mua bán đã để con trai là Lý Văn C làm giấy tờ mua bán, gia đình không biết C mang xe máy đi chở người để xuất C trái phép, gia đình có duy nhất một chiếc xe máy để làm phương tiện phục vụ sinh hoạt gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe máy cho gia đình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nông Văn K khai: xe máy nhãn hiệu SIRIUS màu đen xám. Xe đeo biển kiểm soát 11H1-200.xx, xe đã qua sử dụng, đây là xe của bố mẹ mua, do bố mẹ không biết đi xe máy nên để con trai là Nông Văn P đi mua và đứng tên đăng ký xe, gia đình không biết P mang xe máy đi chở người để xuất C trái phép, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe máy vì tiền mua xe máy là của gia đình, bị cáo chỉ đứng tên và gia đình chỉ có duy nhất 01 chiếc xe làm phương tiện đi lại.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lý Văn C, Nông Văn P, Vi Văn S về tội “Tổ chức cho người khác xuất C trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lý Văn C, Nông Văn P, Vi Văn S phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất C trái phép*”; về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với cả ba bị cáo, bị cáo P thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: Lý Văn C, Vi Văn S từ 30 đến 36 tháng tù; Nông Văn P từ 24 đến 30 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Truy thu, tịch thu tiền các bị cáo phạm tội mà có; Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước: 04 điện thoại di động; còn 02 xe máy tạm giữ của các bị cáo, cần xử hoàn trả cho gia đình các bị cáo. Trả lại tiền, đồ vật, tài S khác không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị T trình bày lời bào chữa:

Nhất trí với cáo trạng truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tính chất mức độ hành vi phạm tội và vai trò đối với các bị cáo. Tuy nhiên cần xem xét đến nhân thân các bị cáo Lý Văn C, Nông Văn P tốt, phạm tội lần đầu, các bị cáo phạm tội do hoàn C kinh tế khó khăn, không có việc làm ổn định, chỉ vì hám lời nên đã thực hiện hành vi đưa người xuất C trái phép sang Trung Quốc. Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Về tình tiết giảm nhẹ, nhất trí như đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức hình phạt thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị. Về việc xử lý vật chứng: Nhất trí như đề nghị của Viện kiểm sát.

Các bị cáo Lý Văn C, Nông Văn P, Vi Văn S không có lời bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, cả ba bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm

sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Lý Văn C, Nông Văn P, Vi Văn S và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Lý Văn C, Nông Văn P, Vi Văn S tại phiên tòa là có căn cứ; hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ như:

Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Đoàn Biên phòng T lập; các lời khai của các bị cáo tại các bản tự khai; kết quả nhận dạng ảnh; biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản hỏi cung; Lời khai của các công dân xuất C trái phép phù hợp với lời khai của các bị cáo về thời gian, địa điểm, số lượng người xuất C trái phép cùng với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét các tài liệu chứng cứ phù hợp nhau về thời gian, địa điểm, mục đích thực hiện hành vi; các tài liệu chứng cứ được thu thập khách quan, đúng trình tự thủ tục tố tụng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 06/7/2021, Lý Văn C được một người đàn ông Trung Quốc gọi điện qua mạng xã hội thuê đón, đưa 04 công dân Việt Nam xuất C trái phép sang Trung Quốc qua khu vực mốc 717 thuộc xóm G, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng thì sẽ được trả tiền công là: 1.400 NDT/người, C đồng ý và rủ Vi Văn S, Nông Văn P cùng thực hiện, ba người thống nhất khi nhận được tiền sẽ chia đều nhau; Sau đó C, P, S đã tổ chức đưa trót lọt Đinh Văn H và Hoàng Trọng S2 xuất C trái phép sang Trung Quốc và nhận được số tiền 9.400.000 đồng, riêng P đã được C trả 3.100.000 đồng, còn S chưa được C trả tiền công.

Xét thấy hành vi của các bị cáo Lý Văn C, Nông Văn P, Vi Văn S tổ chức đón, đưa 04 công dân vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê mà không làm thủ tục xuất, nhập C theo quy định của pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vì động cơ vụ lợi. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo Lý Văn C, Nông Văn P, Vi Văn S đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác xuất C trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân

tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ pháp luật.

Trong vụ án này, 03 bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, cả 03 bị cáo đều là người thực hành, cụ thể: Bị cáo Lý Văn C với vai trò chính, là người trực tiếp sử dụng điện thoại trao đổi, liên lạc qua mạng với người đàn ông Trung Quốc (không rõ tên tuổi, địa chỉ) để thỏa thuận giá cả đưa người sang Trung Quốc, bị cáo là người rủ rê Nông Văn P, Vi Văn S cùng thực hiện hành vi. Đối với các bị cáo Nông Văn P, Vi Văn S được Lý Văn C rủ đi đón, đưa nhóm công dân đến khu vực mốc biên giới số 717; các bị cáo đã trực tiếp đưa người đến khu vực biên giới thuộc xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng để những người này xuất C trái phép sang Trung Quốc, mục đích là để hưởng lợi về tiền công.

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo là do điều kiện kinh tế khó khăn, tại địa phương không có việc làm ổn định; xuất phát từ nhu cầu đi sang Trung Quốc lao động của một số công dân; nhận thức pháp luật của các bị cáo và những người đi lao động còn tồn tại nhiều hạn chế, dễ bị lôi kéo, dụ dỗ, biết hành vi của bản thân vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện để được hưởng lợi về kinh tế.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất C, nhập C gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương; tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp, đặc biệt xảy ra trong thời gian cả nước đang thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 và chỉ đạo của các ngành, các cấp về ngăn chặn, đấu tranh với các hành vi xuất, nhập C qua biên giới.

Do vậy, việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với các bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Các bị cáo Lý Văn C, Nông Văn P là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Vi Văn S là người có nhân thân xấu. Năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài S.

- Về tình tiết tăng nặng: Cả 03 bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Nông Văn P được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự vì nộp số tiền do phạm tội mà có.

[4] Về hình phạt chính:

Xét thấy mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

Xét ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo về hình phạt là đúng quy định pháp luật, Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận, cần xử: Truy thu, tịch thu tiền các bị cáo phạm tội mà có; Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước: 04 điện thoại di động; còn 02 xe máy tạm giữ của các bị cáo, cần xử hoàn trả cho gia đình các bị cáo vì xe máy do bố mẹ bị cáo mua, là phương tiện duy nhất của gia đình, việc các bị cáo sử dụng xe máy để thực hiện hành vi phạm tội gia đình không biết. Trả lại tiền, đồ vật, tài S khác không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

[7] Về án phí:

Các bị cáo Lý Văn C, Nông Văn P, Vi Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Lý Văn C, Nông Văn P, Vi Văn S phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất C trái phép”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với cả 03 bị cáo, bị cáo Nông Văn P thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt:

- Bị cáo Lý Văn C: 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 07/7/2021.

- Bị cáo Vi Văn S: 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 07/7/2021.

- Bị cáo Nông Văn P: 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 07/7/2021.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*** Đối với bị cáo Lý Văn C:**

- Truy thu tiền thu lợi bất chính: 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước: 02 điện thoại được niêm phong trong phong bì, mặt trước ghi “Hai điện thoại của Lý Văn C gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone, 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO”).

- Trả lại cho bị cáo: 01 (một) thẻ ATM mang tên LY VAN C.

*** Đối với bị cáo Nông Văn P:**

- Tịch thu số tiền thu lợi bất chính: 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng) của bị cáo Nông Văn P để nộp vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng), hiện nay chuyển theo vụ án, số tiền này sẽ được khấu trừ khi thi hành án.

- Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone, điện thoại được niêm phong trong phong bì, mặt trước ghi “Điện thoại của Nông Văn P, nhãn hiệu Iphone”;

*** Đối với bị cáo Vi Văn S:**

- Trả lại cho bị cáo: Tiền Việt Nam: 855.000 đồng, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động OPPO, điện thoại được niêm phong trong phong bì, mặt trước ghi “Điện thoại của Vi Văn S, nhãn hiệu OPPO”.

*** Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Ông Lý Văn D (sinh năm 1974, nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng): 01 (một) xe máy nhãn hiệu EXCITER màu xanh bạc. Xe đeo biển kiểm soát 11B1-220.xx. Xe đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu, phần nhựa trên thân xe đã bị xước, nứt, vỡ. Số máy: G3D4E3164xx; Số Khung: RLCUG0610GY3013xx. Qua kiểm tra thực tế số khung, số máy của xe trùng khớp với với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Phòng C sát giao thông ngày 16/7/2021.

- Ông Nông Văn K (sinh năm 1977; nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng): 01 (một) xe máy nhãn hiệu SIRIUS màu đen xám. Xe đeo biển kiểm soát 11H1-200.xx, xe đã qua sử dụng, xe không có yếm, không có gương chiếu hậu, các phần nhựa còn lại trên thân xe bị xước, nứt, vỡ. Số máy: E3X9E3945xx; Số khung: RLCUE3240JY1431xx. Kèm theo xe: 01 (một) đăng ký xe máy mang tên Nông Văn P 2000. Qua kiểm tra thực tế số khung, số máy của xe trùng khớp với với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Phòng C sát giao thông ngày 16/7/2021.

Xác nhận toàn bộ vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số 21 ngày 27 tháng 10 năm 2021.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lý Văn C, Nông Văn P, Vi Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Lý Văn C, Nông Văn P, Vi Văn S có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lý Văn D, Nông Văn K có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan điều tra;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp CB;
- Các bị cáo, người bào chữa;
- Người liên quan;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa